

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 12 năm 2023
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ

2. Ông Cầm Văn Tổ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lèo Thị B, sinh năm 2003. Địa chỉ: Bản T, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Tòng Văn T, sinh năm 2001. Địa chỉ: Bản T, xã M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lèo Thị B trình bày như sau:

Chị và anh Tòng Văn T kết hôn từ năm 2022 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Mai Sơn vào ngày 09/03/2022 và được hai bên gia đình đồng ý nhưng mới tổ chức ăn hỏi, chưa tổ chức cưới chính theo phong tục tập quán.

Sau khi cưới, anh chị chung sống cùng với gia đình chồng tại bản T, xã M được khoảng 02 tháng thì vợ chồng cùng nhau xuống Hà Nội làm. Trong thời gian đi làm xa, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh T có người phụ nữ khác, chị đã cố gắng thuyết phục nhưng anh T không thay đổi nên chị và anh T sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay. Hai bên gia đình đã bàn bạc, hòa giải cho cả hai nhưng anh T vẫn đi theo người khác nên tình cảm không thể hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh chị mới kết hôn nên chưa có tài sản và nợ chung.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị B giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Tòng Văn T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn anh Tòng Văn T về địa chỉ Bản T, xã M, huyện Mai Sơn. Qua xác minh xác định, anh T đã biết được thông tin về việc Tòa án thụ lý vụ án xin ly hôn và thời gian Tòa án triệu tập đến làm việc. Tuy nhiên, anh T không đến làm việc tại Tòa án, không gửi văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị B. Căn cứ Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung, nợ chung của chị B và anh T.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lèo Thị B và anh Tòng Văn T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lèo Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Tòng Văn T có địa chỉ tại: Bản T, xã M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn, bị đơn lần thứ hai nhưng vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên căn cứ **Điều 227, Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tòng Văn T và chị Lèo Thị B.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lèo Thị B và anh Tòng Văn T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2022, anh chị đã được UBND xã M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/03/2022. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Chị B cho rằng mâu thuẫn là do anh T có người phụ nữ khác, tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh T không có thái độ hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể quay về chung sống, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Qua xác minh xác định, anh Tòng Văn T đã được gia đình thông báo về việc tòa án triệu tập để giải quyết việc chị B xin ly hôn nhưng không chấp hành giấy triệu tập, không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Ban quản lý bản T, xã M (nơi cư trú của anh T) và đại diện gia đình anh Tòng Văn T cho biết: Chị B và anh T kết hôn được thời gian ngắn thì cùng nhau đi làm xa. Gia đình cũng không biết mâu thuẫn cụ thể của hai vợ chồng nhưng chị B không về nhà chồng từ giữa năm 2022 đến nay. Ban quản lý bản xác định khi tiến hành hòa giải cho chị B và anh T, anh T không có mặt và thông tin lại không nhất trí ly hôn, đồng thời xác nhận chị B về chung sống với nhà chồng khoảng 02 tháng sau khi kết hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lèo Thị B, xử cho chị B được ly hôn với anh Tòng Văn T.

[2.2] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Chị B xác nhận do thời gian anh chị chung sống sau khi kết hôn ngắn, anh chị chưa có con chung, tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về án phí*: Chị Lèo Thị B phải chịu án phí xin ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lèo Thị B và anh Tòng Văn T.
2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Nguyên đơn xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.
3. Về án phí: Chị Lèo Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án **số 0000234 ngày 31 tháng 10 năm 2023** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã M, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Minh Quân

